

Bản án số: 77/2024/DS-ST  
Ngày: 19/8/2024.  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

\*\*\*

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoàng Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tý

2. Ông Lê Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Nguyễn Việt Cường, Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2024/TLST-DS, ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2024/QĐST-DS ngày 26/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP X (E); trụ sở chính: Tầng H Tòa nhà V, số G L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Hà P – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt Đ – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh N (Giấy ủy quyền số 340/2023/EIB/UQ-CTHĐQT ngày 03/10/2023). Ông Nguyễn Việt Đ ủy quyền lại cho bà Tô Thị Bích T – Giám đốc phòng E (Giấy ủy quyền số 213/2023/EIBNDN/UQ-GĐ ngày 27/11/2023)

- *Bị đơn:* Ông Trần Quang V, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2023 và các bản tự khai ngày 26/7/2024, ngày 19/8/2024 của Ngân hàng TMCP X, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Bà Tô Thị Bích T trình bày:

Ngày 28/04/2022, Ngân hàng TMCP X và ông Trần Quang V ký kết Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với các nội dung như sau: Hạn mức cấp thẻ: 30.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng y); Loại thẻ: Visa Gold; Thời hạn sử dụng thẻ: 36 tháng, Lãi suất vay: 33%/năm.

Sau khi được cấp tín dụng, ông **V** đã thực hiện nhiều giao dịch với tổng số tiền là 262.914.300 đồng; trong đó: nợ gốc là 262.100.000 đồng, phí trễ hạn là 100.000 đồng, lãi là 642.300 đồng, phí khác là 72.000 đồng. Ông **V** đã thanh toán cho **Ngân hàng TMCP X** tổng số tiền là 234.540.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 9 Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế).

Đến ngày 01/3/2023, ông **V** vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2.1 của Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế có hiệu lực ngày 25/12/2020). Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông **V** và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 19/8/2024, ông **V** còn nợ **Ngân hàng TMCP X** tổng số tiền là 42.866.434 đồng, trong đó: nợ gốc là 28.374.300 đồng và nợ lãi là 14.492.134 đồng. Mặc dù **Ngân hàng TMCP X** đã yêu cầu ông **V** có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên, tuy nhiên ông **V** vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, **Ngân hàng TMCP X** yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xem xét, giải quyết buộc ông **Trần Quang V** phải trả cho **Ngân hàng TMCP X** tổng số tiền nợ theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tạm tính đến ngày 19/8/2024 là 42.866.434 đồng (Bốn mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi sáu ngàn, bốn trăm ba mươi bốn đồng). Ông **Trần Quang V** phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 20/8/2024 cho đến khi trả hết dư nợ Thẻ tín dụng theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký

*Đối với ông **Trần Quang V**, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông **V** đều vắng mặt tại các phiên hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên Tòa. Vì vậy, ông **Trần Quang V** không có lời trình bày.*

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: Nguyên đơn giao nộp: Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 28/04/2022 (bản sao), sao kê thẻ tín dụng từ tháng 03/2023 đến tháng 19/8/2024; Giấy ủy quyền số 340/2023/EIB/UQ-CTHĐQT ngày 03/10/2023 và Giấy ủy quyền số 213/2023/EIBNĐN/UQ-GĐ ngày 27/11/2023 (Bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của **E chi nhánh N**; Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm Kinh doanh **Eximbank Phòng giao dịch E** (Bản sao); Giấy Căn cước công dân, Sổ hộ khẩu **Trần Quang V** (Bản photo); Giấy Căn cước công dân **Tô Thị Bích T** (Bản sao); Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (có hiệu lực ngày 25/12/2020); các Bảng tự khai ngày 26/7/2024 và 19/8/2024, các Bảng chiết tính lãi thẻ tín dụng; Thông báo ban hành biểu phí phát hành và sử dụng thẻ áp dụng cho tất cả các đối tượng khách hàng (hiệu lực từ ngày 15/7/2024). Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì. Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: 01 Biên bản xác minh tại địa phương ngày 20/6/2024. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn có ý thức chấp hành pháp luật không nghiêm. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X đối với ông Trần Quang V, buộc ông Trần Quang V phải trả toàn bộ khoản nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 19/8/2024 là: 42.866.434 đồng, trong đó: nợ gốc là 28.374.300 đồng và nợ lãi là 14.492.134 đồng. Ông Trần Quang V phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 20/8/2024 cho đến khi trả hết dư nợ Thẻ tín dụng theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 28/04/2022 đã ký. Ông V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu ông Trần Quang V trả tiền vay là quan hệ tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn là ông Trần Quang V có hộ khẩu thường trú và địa chỉ cư trú cuối cùng tại địa chỉ K Đ, tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Ngân hàng TMCP X ký kết với ông Trần Quang V Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng vào ngày 28/04/2022 với mục đích cho ông V vay tiêu dùng cá nhân. Nay, Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu ông V trả nợ vay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, Điều 465 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*) để giải quyết vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án cho đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP X là bà Tô Thị Bích T và bị đơn ông Trần Quang V. Tại phiên tòa, bà T có mặt, ông V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Theo quy định tại Điều 222, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông Trần Quang V.

[4] Về nội dung vụ án:

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, ông Trần Quang V và Ngân hàng TMCP X có ký Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Nội dung của

Hợp đồng ghi nhận **Ngân hàng TMCP X** đã cấp hạn mức tín dụng **30.000.000 đồng** (Ba mươi triệu đồng) cho ông **Trần Quang V** với mục đích tiêu dùng cá nhân; Loại thẻ: Visa Gold; Thời hạn sử dụng thẻ: 36 tháng, Lãi suất vay: 33%/năm (áp dụng Lãi suất trong hạn 02 thời kỳ là **30,6%/năm** theo Thông báo ban hành biểu phí số 10607/2022/EIB/TB-TGD ngày 26/12/2022 và **33%/năm** theo Thông báo ban hành biểu phí số 1004/2023/EIB/TB-TTT ngày 23/5/2023).

Sau khi được cấp tín dụng, ông **V** đã thực hiện 10 giao dịch với tổng số tiền là **262.914.300 đồng**; trong đó: nợ gốc là 262.100.000 đồng, phí trễ hạn là 100.000 đồng, lãi là 642.300 đồng, phí khác là 72.000 đồng. Ông **V** đã trả cho **Ngân hàng TMCP X** tổng số tiền là **234.540.000 đồng**. Bắt đầu từ ngày 01/3/2023, ông **V** vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông **V** và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 3.2 Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế có hiệu lực ngày 25/12/2020).

Tại phiên Tòa, **Ngân hàng TMCP X** yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xem xét, giải quyết buộc ông **Trần Quang V** phải trả tổng số tiền nợ theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tạm tính đến ngày 19/8/2024 là: 42.866.434 đồng, trong đó: nợ gốc là 28.374.300 đồng và nợ lãi là 14.492.134 đồng. Ông **Trần Quang V** phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 20/8/2024 cho đến khi trả hết dư nợ Thẻ tín dụng theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông **V** biết yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP X** và các thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông **V** vẫn cố tình vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tại biên bản xác minh ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã thể hiện ông **V** có đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ cư trú cuối cùng tại địa chỉ **K Đ, tổ A, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng**.

*Xét yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP X (Ngân hàng E)** thì thấy:*

[4.1] *Về nợ gốc:* Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế được ký giữa **Ngân hàng TMCP X** với ông **Trần Quang V** ngày 28/04/2022 và Tóm tắt sao kê từ ngày 29/4/2022 đến ngày 01/8/2024 đã thể hiện ông **V** thực hiện 10 giao dịch với tổng số tiền gốc là **262.914.300 đồng**, trong đó nợ gốc là 262.100.000 đồng, phí trễ hạn là 100.000 đồng, lãi là 642.300 đồng, phí khác là 72.000 đồng là có thật. Ông **V** đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho **Ngân hàng TMCP X** là **234.540.000 đồng**. Kể từ ngày 01/3/2023 cho đến nay, ông **V** không thanh toán thêm khoản tiền nào khác. Vậy, số tiền nợ gốc mà ông **V** có nghĩa vụ phải trả cho **Ngân hàng TMCP X** là **28.374.300 đồng** (Hai mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm đồng).

Ông **V** vi phạm nghĩa vụ trả nợ của Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế được ký giữa **Ngân hàng TMCP X** với ông **Trần Quang V** ngày 28/04/2022. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP X** về việc buộc ông **V** trả số tiền nợ gốc theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng là **28.374.300 đồng** (Hai mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm đồng) là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[4.2] *Về tiền lãi:* Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (có hiệu lực ngày

25/12/2020) thì các bên đương sự có thỏa thuận về lãi suất. Nội dung lãi suất được xác định biến động trong 02 kỳ, cụ thể: **30,6%/năm** theo Thông báo ban hành biểu phí số 10607/2022/EIB/TB-TGD ngày 26/12/2022 và **33%/năm** theo Thông báo ban hành biểu phí số 1004/2023/EIB/TB-TTT ngày 23/5/2023.

Ngày 22/7/2024, **Ngân hàng TMCP X** ban hành văn bản số 6098/2024/EIB-TGD quy định cách tính lãi mới cho khách hàng. Xét thấy cách tính lãi theo Thông báo số 6098/2024/EIB-TGD ngày 22/7/2024 có lợi cho bị đơn; sự thỏa thuận mức lãi suất của các đương sự không phụ thuộc vào Bộ luật Dân sự mà được điều chỉnh theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*), hai bên thỏa thuận lãi suất là tự nguyện nên căn cứ các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về việc **Ngân hàng N1** hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do đó, **Ngân hàng TMCP X** căn cứ vào Tóm tắt sao kê và Bảng chiết tính lãi thẻ tín dụng ngày 19/8/2024, yêu cầu ông **V** phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 28/04/2022; Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế có hiệu lực ngày 25/12/2020 và Thông báo ban hành biểu phí phát hành và sử dụng thẻ áp dụng cho tất cả các đối tượng khách hàng mà hai bên đã ký là có cơ sở chấp nhận; tiền lãi tạm tính đến ngày 19/8/2024 được chấp nhận là **14.492.134 đồng** (Mười bốn triệu, bốn trăm chín mươi hai ngàn, một trăm ba mươi bốn đồng).

Ông **Trần Quang V** phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 20/8/2024 cho đến khi trả hết dư nợ Thẻ tín dụng theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

[3] Án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông **Trần Quang V** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP X** tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4] Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 465 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*);

Căn cứ Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của **Ngân hàng N1** hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, **Ngân hàng TMCP X** đối với bị đơn, ông **Trần Quang V**.

Buộc ông **Trần Quang V** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP X** tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 19/8/2024 là **42.866.434** đồng (Bốn mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi sáu ngàn, bốn trăm ba mươi bốn đồng). Trong đó, nợ gốc là 28.374.300 đồng (Hai mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm đồng) và nợ lãi là 14.492.134 đồng (Mười bốn triệu, bốn trăm chín mươi hai ngàn, một trăm ba mươi bốn đồng) theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 28/04/2022.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/8/2024), ông **Trần Quang V** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông **V** phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

2. Án phí Dân sự sơ thẩm số tiền là **2.143.321** đồng (Hai triệu, một trăm bốn mươi ba ngàn, ba trăm hai mươi một đồng).

Ông **Trần Quang V** phải chịu **2.143.321** đồng (Hai triệu, một trăm bốn mươi ba ngàn, ba trăm hai mươi một đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

**Ngân hàng TMCP X** không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP X** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **1.099.630** đồng (Một triệu, không trăm chín mươi chín ngàn, sáu trăm ba mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001008 ngày 12/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê.

3. Quyền kháng cáo: **Ngân hàng TMCP X** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (19/8/2024). Ông **Trần Quang V** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND quận Thanh Khê ;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê ;
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.

**Trần Hoàng Dũng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**                      **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



